

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

*V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung "*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**;

2. Ông **Trần Minh Nhựt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ : ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K

Bị đơn: Ông **Hồ Văn Q**, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp A, xã B huyện Ch, tỉnh K.

(Ông Hồ Văn Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-4-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Vào năm 1994 bà và ông Hồ Văn Q, có thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống nên không hòa hợp và không có hạnh phúc. Hai ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Nay bà L nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà và ông Q không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông Hồ Văn Q.

Quá trình chung sống bà L và ông Q có chung với nhau 03 con tên: Hồ Ý Nh, sinh ngày 02-9-1995; Hồ Gia Kh, sinh ngày 22-4-1999; Hồ Yến Tr, sinh ngày 15-02-2006, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay các con do bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải bà Huỳnh Thị L có yêu cầu :

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Hồ Văn Q.

- Về con chung: Các con Hồ Ý Nh, sinh ngày 02-9-1995; Hồ Gia Kh, sinh ngày 22-4-1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Hồ Yến Tr, sinh ngày 15-02-2006, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 25-8-2023 và đơn xin vắng mặt ngày 25-8-2023 của bị đơn ông Hồ Văn Q trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung ông xác nhận đúng theo bà L đã trình bày.

Tại phiên tòa ông Q vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 25-8-2023 và đơn xin vắng mặt ngày 25-8-2023, ông Q có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do ông và Huỳnh Thị L không đăng ký kết hôn nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Các con Hồ Ý Nh, sinh ngày 02-9-1995 và Hồ Gia Kh, sinh ngày 22-4-1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết; Đồng ý giao con tên Hồ Yến Tr, sinh ngày 15-02-2006 cho vợ (bà Huỳnh Thị L) trực tiếp chăm sóc, nưoi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn ông Hồ Văn Q có hộ khẩu thường trú ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Ông Hồ Văn Q có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn - Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q thành lập gia đình với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q xác nhận trong thời gian chung sống ông, bà có 03 người con chung Hồ Ý Nh, sinh ngày 02-9-1995; Hồ Gia Kh, sinh ngày 22-4-1999; Hồ Yến Tr, sinh ngày 15-02-2006. Các con Hồ Ý Nh, sinh ngày 02-9-1995 và Hồ Gia Kh, sinh ngày 22-4-1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết ; còn đối với cháu Hồ Gia Tr, sinh ngày 15-02-2006 từ khi ông bà sống ly thân với nhau cho đến nay cháu Tr do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và ông Q cùng đồng ý giao con bà L chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Tr được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 06-9-2023). HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Tr nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho bà L về quyền yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu Tr cho đến khi đủ 18 tuổi theo mức quy định pháp luật nhưng bà L xác định không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L đều xác nhận trong quá trình chung sống ông bà không có tạo lập tài sản chung và nợ chung cũng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị L là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q

2. Về con chung: Giao con Hồ Gia Tr, sinh ngày 15-02-2006 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Tr). Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Hồ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Hồ Văn Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005546, ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; bà L không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Văn Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

